

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 29/2021/DS-ST

Ngày: 28/6/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Khánh Long.

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Tú Phương, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà A đường LHP, khóm B, Phường C, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Bà Khưu Tiên K, sinh năm: 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm XM, phường VP, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lâm Văn U, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D Đường VNC, khóm E, Phường F, thành phố S T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:

Do quen biết với bà Khưu Tiên K nên vào năm 2019 bà H có giao cho bà K số tiền là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng) để góp vốn cùng mua bán hàng

tết. Sau đó, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà K trả lại số vốn vì chẳng thấy bà K mua bán gì như thỏa thuận ban đầu thì bà K có mượn thêm số tiền 2.000.000 đồng, tổng cộng là 39.000.000 đồng nhưng không thanh toán.

Nay bà Nguyễn Ngọc H khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng Khuru Tiên K, Lâm Văn U phải trả cho bà số tiền vốn là 39.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi.

Ngoài ra, bà Nguyễn Ngọc H không còn yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Khuru Tiên K trình bày:

Bà K thừa nhận có vay và mượn tiền của bà Nguyễn Ngọc H 02 lần như lời bà H trình bày với tổng số tiền là 39.000.000 đồng, trong đó lần thứ nhất (Năm 2019) là tiền vay số tiền 37.000.000 đồng để mua bán phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Sau khi vay số tiền nêu trên, bà K có đóng lãi cho bà H nhưng do không có làm giấy tờ nên không nhớ đóng lãi được bao nhiêu. Sau đó, do chồng bà bị tai nạn nên có mượn bà H thêm 2.000.000 đồng (số tiền này bà H không tính lãi). Hiện nay, bà thừa nhận còn nợ bà H tổng số tiền là 39.000.000 đồng và đồng ý thanh toán cho bà H số tiền nêu trên nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả nhiều lần cho đến khi dứt nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Lâm Văn U nhưng ông U đã không thực hiện quyền của mình để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H. Ông U vắng mặt, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, ông Lâm Văn U thừa nhận đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng thay cho vợ là bà K. Nhưng do bà K vắng nhà nên chưa giao lại được, khi nào liên hệ được với bà K sẽ hỏi lại bà K, nếu thật sự có vay tiền và có nợ thì ông sẽ yêu cầu bà K trả cho bà H với hình thức trả dần vì số nợ này ông không hay biết và ông không đồng ý trả số tiền nêu trên cho bà H.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung và quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, có tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Có tiến hành thủ tục hòa giải nhưng do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên vụ án không thể hòa giải được; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chưa chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án tại các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H đối với bị đơn bà Khuru Tiên K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn U. Buộc vợ chồng Khuru Tiên K và Lâm Văn U có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Ngọc H tổng số tiền là 39.000.000 đồng. Đồng thời, xử lý án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H được quy định tại các Điều 463; 466 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 nên quan hệ pháp luật đối với tranh chấp giữa bà H và bà K là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường VP, thị xã VC nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn U nhưng ông U vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông U theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H là phù hợp với nội dung tại biên bản ghi lời khai do bà Khuru Tiên K trình bày, lập ngày 30/12/2020 cũng như lời thừa nhận tại phiên tòa của bà K. Nên đủ căn cứ khẳng định giữa bà H và bà K có xác lập Hợp đồng dân sự vay tài sản với số tiền là 39.000.000 đồng đúng như lời thừa nhận của hai bên. Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do bị đơn Khuru Tiên K đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện cam kết trả nợ như thỏa thuận mà đôi bên đã giao kết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Ngọc H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Khuru Tiên K và Lâm Văn U phải trả số tiền vốn còn nợ là 39.000.000 đồng mà không yêu cầu trả lãi.

[3] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, lời trình bày của bà Nguyễn Ngọc H về việc có cho bà Khuru Tiên K vay số tiền 39.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán là có căn cứ. Bởi lẽ, tại biên bản ghi lời khai lập ngày 30/12/2020 (BL 94) và tại phiên tòa hôm nay, bà Khuru Tiên K đã khẳng định có trực

tiếp vay và mượn tổng số tiền 39.000.000 đồng của bà H để mua bán nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và điều trị cho chồng khi bị tai nạn đến nay chưa có khả năng thanh toán.

[4] Về lãi suất cho vay: Do hai bên không có thỏa thuận tính lãi và bà Nguyễn Ngọc H cũng không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Như vậy, vợ chồng Khuru Tiên K và Lâm Văn U phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc H tổng số tiền vốn là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

[6] Từ những căn cứ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H, buộc vợ chồng bà Khuru Tiên K và ông Lâm Văn U phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền còn nợ cho bà Nguyễn Ngọc H là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H được chấp nhận, nên bị đơn Khuru Tiên K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Văn U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Xét thấy đề nghị của Vị Kiểm sát viên các vấn đề nêu trên là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H đối với bị đơn bà Khuru Tiên K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn U về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc vợ, chồng bà Khuru Tiên K và ông Lâm Văn U có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho bà Nguyễn Ngọc H tổng số tiền là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Ngọc H, thì hàng tháng bà Khuru Tiên K và ông Lâm Văn U còn phải trả lãi

cho bà Nguyễn Ngọc H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Khuru Tiên K và ông Lâm Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.950.000đ (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 975.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004403 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tổng đạt Bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ST;
- VKSND TX Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS TX Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thanh